

Số: 10/QĐ-HB Thuận Hà, ngày 10 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công khai dự toán chi Ngân sách Nhà nước
của trường mầm non Hoa Ban 12 tháng năm 2024**

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN quý III năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi Ngân sách Nhà nước 12 tháng năm 2024 của trường mầm non Hoa Ban, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Căn cứ số liệu công khai dự toán chi, cán bộ, viên chức, người lao động thuộc trường mầm non Hoa Ban có trách nhiệm thực hiện, thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng GD &ĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Thị Ái

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 10 / 1 / 2025. Tại trường mầm non Hoa Ban, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự:

- Đ/c: Đoàn Thị Ái - Hiệu trưởng - chủ trì
- Đ/c: Nguyễn Thị My - Thư ký
- Tham dự: 30/30 đ/c

II. Nội dung cuộc họp:

Đồng chí: Đoàn Thị Ái thông qua đối chiếu NSNN tại KNNN Đắk Song ngày 10/1/2025

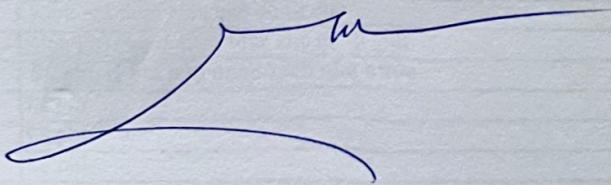
Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT -BGDDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất 100%

THƯ KÝ



Nguyễn Thị My

CHỦ TRÌ



Đoàn Thị Ái

Đơn vị: Trường mầm non Hoa Ban
 Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Hà, ngày tháng năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Kèm theo quyết định số: 10/QĐ-HB ngày 10 tháng 01 năm 2024 của hiệu trưởng trường mầm non Hoa Ban)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường mầm non Hoa Ban công khai tình hình thực hiện chi ngân sách 12 tháng năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý III năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.174.184.800	6.174.184.800		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.002.641.300	6.002.641.300		

6000	Tiền lương	2.123.318.354	2.123.318.354	100.00	140
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	66.234.574	66.234.574	100.00	101
6100	Phụ cấp lương	2.904.250.369	2.904.250.369	100.00	141
6150	Các khoản hỗ trợ khác	2.700.000	2.700.000	100.00	0
6250	Phúc lợi tập thể	55.212.990	55.099.930	99.80	106
6300	Các khoản đóng góp(BHXH,BHYT,BHTN,KPCĐ)	518.226.651	518.226.651	100.00	130
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	11.389.522	11.389.522	100.00	436
6550	Vật tư văn phòng	20.000.000	49.559.000	247.80	111
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.000.000	20.980.700	419.61	233
6700	Công tác phí	54.022.200	54.022.200	100.00	110
6750	Chi phí thuê mướn	8.000.000	7.500.000	93.75	83
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	82.558.000	82.558.000	100.00	46
6950	Mua sắm phục vụ công tác em	15.000.000	15.000.000	100.00	100
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	31.692.000	31.692.000	100.00	107
7750	Chi khác	105.036.640	60.110.000	57.23	84
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		171.543.500		
6050	Tiền lương GV hợp đồng	57.793.500	57.793.500		
6150	Chế độ CS	89.540.000	89.540.000		
7750	Cấp bù học phí	24.210.000	24.210.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				

7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

